

# SỰ ỦNG HỘ VÀ GIÚP ĐỠ CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 1955-1975

NGUYỄN PHƯƠNG HOA\*

Với chiến thắng Điện Biên Phủ và việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm gian khổ đã kết thúc. Hoà bình được lập lại ở miền Bắc nhưng mục tiêu thống nhất đất nước chưa thực hiện được trọn vẹn. Nhân dân ta phải tiếp tục hai nhiệm vụ cách mạng, đó là cách mạng xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng ở miền Nam, thống nhất đất nước. Công cuộc khôi phục, xây dựng kinh tế ở miền Bắc và công cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam của Việt Nam từ năm 1955-1975 đã diễn ra trong bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp, trong tình hình đất nước có nhiều khó khăn. Tuy nhiên, sau 20 năm, chúng ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là kết quả của rất nhiều nhân tố nhưng trong đó không thể không nhắc đến sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước trên thế giới, trong đó có nước láng giềng anh em Trung Quốc.

## 1. Ủng hộ về chính trị ngoại giao

Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được

ký kết, Mỹ đã bộc lộ ý đồ can thiệp và xâm lược Việt Nam. Là một nước tham dự Hội nghị Giơnevơ về Việt Nam và là nước láng giềng gần gũi, Trung Quốc luôn quan tâm đến việc thực hiện Hiệp định, phản đối mạnh mẽ việc Mỹ phá hoại Hiệp định. Để ủng hộ việc thi hành hiệp định Giơnevơ, Nhân dân nhật báo, cơ quan ngôn luận của ĐCS Trung Quốc đã đăng nhiều bài ủng hộ việc thi hành hiệp định, chỉ trích chính quyền Ngô Đình Diệm từ chối họp hội nghị hiệp thương, tiến hành tổng tuyển cử; tố cáo đế quốc Mỹ; kêu gọi các nước dự Hội nghị Giơnevơ làm hết trách nhiệm của mình, ủng hộ Việt Nam. Đài phát thanh Bắc Kinh cũng phát nhiều bài về nội dung này. Ngày 28-9-1963 khi tiếp đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đang ở thăm Bắc Kinh, Mao Trạch Đông đã đọc “Bản tuyên bố phản đối bè lũ Mỹ - Diệm xâm lược miền Nam Việt Nam và tàn sát nhân dân miền Nam Việt Nam”.

Sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ tháng 8-1964, đặc biệt là sau tháng 2-1965, chiến tranh

---

\* Ths. Nguyễn Phương Hoa, Viện Nghiên cứu Trung Quốc

lan rộng ra miền Bắc, Trung Quốc càng thể hiện rõ sự ủng hộ đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Trước mỗi hành động mở rộng chiến tranh của Mỹ, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc đều có phản ứng kịp thời, lên án đế quốc Mỹ, thể hiện quyết tâm ủng hộ nhân dân Việt Nam kháng chiến đến cùng. Sự ủng hộ này đã làm cho kẻ thù thấy chúng không thể hành động, tùy tiện theo ý muốn, đồng thời cũng cho thấy cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam không đơn độc, từ đó đã tiếp thêm sức mạnh cho quân và dân ta.

Ngày 5-8-1964, Mỹ mượn cớ sự kiện Vịnh Bắc Bộ đưa máy bay bắn phá các vùng Nghệ An, Hà Tĩnh và Thanh Hoá, mở rộng chiến tranh ra miền Bắc. Ngay hôm sau, Chính phủ Trung Quốc đã ra tuyên bố vạch trần sự bịa đặt của Mỹ và khẳng định: “*Nước Việt Nam DCCH là một nước trong phe XHCN, không một nước XHCN nào có thể ngồi nhìn nước Việt Nam DCCH bị xâm lược. Nước Việt Nam DCCH là nước láng giềng khăng khít như môi với răng của Trung Quốc, nhân dân Việt Nam là những người anh em thân như ruột thịt của nhân dân Trung Quốc. Mỹ xâm lược nước Việt Nam DCCH tức là xâm lược Trung Quốc. Nhân dân Trung Quốc quyết không khoanh tay ngồi nhìn mà không cứu*”.

Ngày 7 và 8-2-1965, máy bay Mỹ liên tục ném bom và bắn phá các thành phố, làng mạc của nước ta như thị xã Đồng Hới, Quảng Bình và khu Vĩnh Linh, ngày 9-2, Chính phủ Trung Quốc ra tuyên bố

ủng hộ lập trường của Chính phủ Việt Nam DCCH và một lần nữa khẳng định: “*Mỹ xâm phạm nước Việt Nam DCCH tức là xâm phạm Trung Quốc, 650 triệu nhân dân Trung Quốc quyết không thể khoanh tay ngồi nhìn và đang chuẩn bị sẵn sàng*”.

Có thể nói, từ khi Mỹ xâm lược Việt Nam cho đến năm 1972, Chính phủ, Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã ra mấy chục tuyên bố, khẳng định quyết tâm ủng hộ đến cùng cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Nhân dân Trung Quốc đã tổ chức hàng trăm cuộc biểu tình, báo chí Trung Quốc đăng hàng trăm bài báo lên án đế quốc Mỹ, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta. “*Sự ủng hộ kịp thời, kiên quyết và đầy nhiệt tình của nhân dân Trung Quốc anh em, của Chính phủ, các đoàn thể, các đảng phái dân chủ và các nhân sĩ dân chủ ở Trung Quốc là biểu hiện cao quý nhất của mối tình đoàn kết chiến đấu anh em ruột thịt giữa nhân dân hai nước chúng ta. Lời tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc Xâm phạm nước Việt Nam tức là xâm phạm Trung Quốc, 650 triệu nhân dân Trung Quốc quyết không khoanh tay ngồi nhìn và đã chuẩn bị sẵn sàng...*”, những cuộc biểu tình thị uy của hàng triệu nhân dân Trung Quốc là một cổ vũ hết sức to lớn đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa và tất thắng của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược<sup>(1)</sup>. Đánh giá này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát toàn bộ ý nghĩa sự ủng hộ về chính trị của Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc.

## 2. Viện trợ kinh tế

Cùng với sự ủng hộ mạnh mẽ về chính trị, trong giai đoạn 1955-1975, Trung Quốc là một trong hai nước viện trợ kinh tế cho Việt Nam nhiều nhất, liên tục nhất. Trong 20 năm, hai nước đã ký khoảng 15 hiệp định về hợp tác kinh tế, kỹ thuật. Từ những năm 60 trở đi, hầu như năm nào hai nước cũng ký một hiệp định về hợp tác kinh tế kỹ thuật cho năm sau. Với công cuộc khôi phục, xây dựng kinh tế XHCN ở miền Bắc, Trung Quốc đã viện trợ một khối lượng lớn hàng hoá, thiết bị toàn bộ, giúp đỡ về kỹ thuật, cử chuyên gia. Ngoài ra, Trung Quốc còn giúp đỡ về mặt kinh tế cho nước ta bằng khoản vay với lãi suất ưu đãi.

Viện trợ của Trung Quốc từ năm 1955-1960 là 900 triệu NDT, cao nhất trong các nước viện trợ cho Việt Nam lúc đó. Số tiền này “bằng ngân sách chúng ta của ba năm 1955, 1956, 1957 tính phần thu trong nước. Tổng số đơn vị thiết bị toàn bộ là 92, trong đó có những công trình đã xây xong và có công trình đang chuẩn bị”<sup>(2)</sup>.

Từ năm 1955-1963, viện trợ kinh tế

của Trung Quốc chiếm gần 60% tổng số viện trợ kinh tế của các nước cho nước ta, tiếp đến là Liên Xô với 26,4%. Số tiền viện trợ và cho vay của các nước, trong đó chủ yếu là Trung Quốc đã trở thành một nguồn thu khá lớn trong ngân sách nhà nước. Nguồn thu này giúp chúng ta tích luỹ và đầu tư xây dựng cơ bản.

Với các nước viện trợ cho Việt Nam, viện trợ không hoàn lại chỉ tập trung vào thời kỳ khôi phục kinh tế và thời kỳ kháng chiến chống Mỹ đợt 1. Trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) và đợt 2 của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, các nước đều giảm mức viện trợ không hoàn lại, chuyển sang cho vay dài hạn, riêng Trung Quốc vẫn tiếp tục viện trợ cho Việt Nam. Cho đến năm 1974, Trung Quốc đã viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam là 2577 triệu rúp và cho vay 295 triệu rúp, chiếm phần lớn trong tổng số viện trợ không hoàn lại và vay dài hạn của các nước XHCN cho Việt Nam từ 1955-1974 (chiếm 53% tổng số viện trợ kinh tế của nước ngoài, chiếm 31% tổng số vay dài hạn).

### VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI VÀ VAY DÀI HẠN CỦA CÁC NƯỚC XHCN

Đơn vị: Triệu rúp

Nước	Tổng số	Viện trợ không hoàn lại	Vay dài hạn
	5749	4844	950
Liên Xô	1831	1365	466
Trung Quốc	2872	2577	295
Các nước XHCN khác	1091	902	189

**Nguồn:** Tình hình quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với nước ngoài từ 1955-1974 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, HS 32. (Số liệu này được tính lại sau khi đã chuyển tiền vay được xoá nợ sang tiền viện trợ không hoàn lại.)

Việt Nam dùng số tiền viện trợ không hoàn lại và số tiền vay trên để nhập khẩu thiết bị toàn bộ và nhập hàng lẻ nhằm đáp ứng nhu cầu khôi phục, xây dựng, phát triển kinh tế, phục vụ nhu cầu thiết yếu của sản xuất và đời sống, ngoài ra dành một phần để thanh toán phần nhập siêu và chi phí vận tải. Từ năm 1955-1974, nhập khẩu hàng lẻ từ Trung Quốc chiếm 44% tổng kim ngạch nhập khẩu, cao nhất trong các nước, tiếp đến là Liên Xô với 36%, các nước XHCN khác là 18%<sup>(3)</sup>.

Việt Nam nhập rất nhiều các công trình thiết bị toàn bộ của Trung Quốc. Từ 1955-1972, có 15 hiệp định, bao gồm 228 công trình đã hoàn thành, trị giá 267.414.801 rúp<sup>(4)</sup>. Nhập khẩu thiết bị để khôi phục và mở rộng, xây dựng mới hàng trăm nhà máy xí nghiệp. Những nhà máy đầu tiên trong giai đoạn khôi phục kinh tế của chúng ta đều do Trung Quốc giúp đỡ xây dựng. Ngay trong năm 1954 đã xây dựng xong 1 công trình, đầu năm 1957 xây xong 7 xí nghiệp, 6 xí nghiệp gần xây xong, 5 xí nghiệp đang xây dựng. Khu công nghiệp đầu tiên của nước ta là Khu công nghiệp Thượng Đình, Nhà máy bóng đèn phích nước Rạng Đông, khu gang thép Thái Nguyên mà Trung Quốc giúp đỡ đều là những cơ sở có tầm cỡ, sản xuất quan trọng của các ngành công nghiệp lúc bấy giờ. Nhờ sự giúp đỡ có hiệu quả đó, đến những năm 60, miền Bắc đã có thể sản xuất được hầu hết các sản phẩm công nghiệp quan trọng, đáp ứng một phần về nhu cầu tư liệu sản xuất, trang thiết bị

toàn bộ và bộ phận cho các ngành kinh tế quốc dân, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Trong 20 năm, Trung Quốc đã dành cho Việt Nam viện trợ kinh tế to lớn, hết sức kịp thời, có hiệu quả. Sự giúp đỡ này đã giúp nước ta khắc phục được những khó khăn sau chiến tranh, sớm phục hồi sản xuất, ổn định đời sống xã hội trong nước. Viện trợ kinh tế không chỉ có ý nghĩa với công cuộc xây dựng kinh tế ở miền Bắc mà còn góp phần tích cực vào cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam của nhân dân ta.

### 3. Giúp đỡ về khoa học kỹ thuật, giáo dục

Trung Quốc giúp đỡ về kỹ thuật cho Việt Nam theo hình thức cử chuyên gia, nhận thực tập sinh, cung cấp tài liệu, cung cấp giống và vật mẫu, phân tích mẫu quặng

Trung Quốc là nước cử chuyên gia sang giúp Việt Nam nhiều nhất. Chuyên gia Trung Quốc sang giúp nước ta tập trung vào thời kỳ miền Bắc chưa có chiến tranh từ 1955-1965. Từ năm 1954-1959, Trung Quốc đã cử 4195 chuyên gia/6130 chuyên gia sang giúp Việt Nam<sup>(5)</sup>. Nhưng đến năm 1972, do chiến tranh ác liệt nên các công trình xây dựng tạm ngừng, các chuyên gia về nước, đến tháng 5-1972 chỉ còn 438 người. Từ năm 1955 đến cuối năm 1972, Trung Quốc đã cử sang ta 8630 chuyên gia hướng dẫn thiết kế thi công, lắp máy cho các công trình do Trung Quốc giúp và chuyên gia hướng dẫn, quản lý kinh tế: giao thông, bưu điện, lâm nghiệp,

nông trường

Các chuyên gia Trung Quốc đã đóng góp sức mình vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, qua đó góp phần tham gia vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Chuyên gia Trung Quốc đã giúp đỡ chúng ta trong hầu hết các lĩnh vực như trong ngành địa chất, giúp chúng ta khảo sát, thăm dò trữ lượng; trong công nghiệp nhẹ, chuyên gia giúp chúng ta xử lý nhiều bế tắc trong sản xuất của các cơ sở như rượu, văn phòng phẩm, thuốc lá, dệt, in hoa, sản xuất bia, thuốc da; trong nông nghiệp và thủy lợi, giúp xây dựng hệ thống trạm, trại thí nghiệm, chữa một số bệnh của gia súc, điều tra nghiên cứu sâu bệnh và phương pháp làm quy hoạch dự báo và chống sâu bệnh ở cây lúa.

Đồng thời với việc cử chuyên gia sang giúp đỡ, Trung Quốc còn giúp chúng ta đào tạo cán bộ. Cán bộ của chúng ta chủ yếu học ở Trung Quốc trong thời kỳ từ 1955-1965, sau đó do Trung Quốc tiến hành cách mạng văn hoá nên 10 năm sau hầu như không nhận cán bộ, học sinh của nước ngoài.

Năm 1954, Chính phủ nước ta đã gửi 323 học sinh sang Trung Quốc học tập. Năm 1956, có 384 học sinh Việt Nam sang học ở Trung Quốc<sup>(6)</sup>. Ngày 6-7-1956, gần 400 nữ sinh miền Nam đã được Bộ Giáo dục cử sang học tại Khu học xá Việt Nam tại Trung Quốc. Trong 4 năm từ 1955-1958, Trung Quốc đã nhận 3300 cán bộ Việt Nam sang thực tập. Từ năm 1951-1958, Trung Quốc đã nhận đào tạo cho

nước ta 1200 lưu học sinh. Năm 1965 có khoảng 3000 người đi học nước ngoài, trong đó hơn một nửa đi Trung Quốc, số còn lại đi Liên Xô và Đông Âu<sup>(7)</sup>.

Ngoài ra, Trung Quốc còn trang bị cho 46 phòng thí nghiệm cao, trung, sơ cho giáo dục, giúp đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật. Trong 20 năm, Trung Quốc đã giúp đào tạo trên 6000 thực tập sinh và công nhân, cán bộ kỹ thuật cho các ngành và 12000 người học nghề ngắn hạn (chủ yếu là lái xe và sửa chữa xe). Số người này đã kịp thời đáp ứng nhu cầu của công cuộc xây dựng kinh tế và phục vụ kháng chiến.

#### 4. Viện trợ quân sự

Cùng với sự ủng hộ về chính trị, kinh tế, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Trung Quốc là một trong hai nước viện trợ cho nước ta một khối lượng vật chất, vũ khí, kỹ thuật, phương tiện chiến tranh, quân trang, quân dụng khá lớn. Trong tổng số viện trợ quốc tế cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, ước tính khoảng 2.362.682 tấn, trị giá khoảng 7 tỷ rúp thì phần lớn là từ Trung Quốc và Liên Xô, riêng viện trợ của Trung Quốc chiếm khoảng 50% tổng số nói trên<sup>(8)</sup>. (Xem bảng trang bên).

Trung Quốc viện trợ cho Việt Nam chủ yếu là vũ khí bộ binh, quân trang, quân dụng, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, phương tiện vận tải và một số xe quân sự và đạn pháo. (Liên Xô thì ngoài viện trợ vũ khí thông thường còn một phần lớn là những vũ khí hiện đại, có uy lực mạnh như máy bay, xe tăng, xe bọc thép,

## VIỆN TRỢ QUÂN SỰ CỦA CÁC NƯỚC CHO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1955-1975

Đơn vị: Tấn

Năm	Tổng số	Liên Xô	Trung Quốc	Các nước XHCN khác
1955-1960	49.585	29.996	19.589	
1961-1964	70.295	47.223	22.982	442
1965-1968	517.393	226.969	170.798	119.626
1969-1972	1.000.796	143.793	761.001	96.002
1973-1975	724.512	65.601	620.354	38.557

*Nguồn: Những nguồn chi viện lớn cho cách mạng Việt Nam*

tên lửa...). Từ năm 1955 -1975, Trung Quốc là nước viện trợ cho Việt Nam nhiều nhất về súng bộ binh (2.227.677 khẩu), súng chống tăng (43.584 khẩu), súng cối các loại (24.134 khẩu), pháo mặt đất (1.376 khẩu), pháo cao xạ (3.229 khẩu)<sup>(9)</sup>.

Giúp đỡ về mặt quân sự của Trung Quốc ở một khía cạnh quan trọng hơn đó là đảm bảo việc tiếp nhận viện trợ của nước ngoài cho Việt Nam. Trung Quốc đã giúp chúng ta khôi phục mạch máu lưu thông bằng đường sắt, đường bộ ngay sau khi kháng chiến chống Pháp kết thúc. Tuyến đường sắt quan trọng hàng đầu Hà Nội - Mục Nam Quan, tuyến Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Nam Định đều do Trung Quốc giúp đỡ sửa chữa khôi phục, làm mới. Khi Mỹ bắt đầu đánh phá miền Bắc với quy mô lớn, giao thông vận tải đã trở

thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của nước ta. Năm 1965, Trung Quốc đã cử 6000 công nhân sang giúp Việt Nam đảm bảo giao thông và cải tạo hệ thống đường sắt trên toàn miền Bắc, góp phần giữ vững mạch máu giao thông. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1965-1969), Trung Quốc đã cử sang Việt Nam một lực lượng thi công lớn để sửa chữa và cải tạo các tuyến đường sắt, đường bộ. Trong số này, đã có 3250 người bị thương và 690 người hi sinh vì tai nạn lao động và bom đạn địch<sup>(10)</sup>.

Khi Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 (4-1972 - 12-1972) với mục tiêu là thực hiện phong tỏa chiến lược, Chính phủ ta đã thương lượng với Chính phủ Trung Quốc và được Chính phủ Trung Quốc đồng ý giúp đỡ cho sử

dụng cảng Phòng Thành và để một số tàu biển chở hàng viện trợ quốc tế cho Việt Nam được bốc dỡ hàng ở cảng Trạm Giang (Quảng Đông), sau đó chở bằng đường sắt vào nước ta qua tuyến đường sắt Lạng Sơn. Đường sắt Hà Nội - Hữu Nghị Quan đã trở thành con đường duy nhất để nhập hàng viện trợ quốc tế thay thế cho cảng Hải Phòng lúc này. Mặc dù khó khăn như vậy nhưng chúng ta vẫn “bảo đảm hàng ngày có một đoàn tàu quân sự chở 1000 tấn hàng vượt biên giới vào nội địa Việt Nam, đưa hàng về các ga đầu mối ở trong sông Hồng”<sup>(11)</sup>. Kết quả trong năm 1972, Việt Nam đã tiếp nhận và vận chuyển được 382.433 tấn hàng viện trợ quân sự (không kể lượng xăng dầu tiếp nhận được bằng đường ống) đạt mức cao nhất trong 10 năm tiếp nhận viện trợ (1965-1975)<sup>(12)</sup>. Lúc này, vận tải đường biển cũng nhận được sự chi viện 50 tàu VS, 8 sà lan, 4 tàu kéo của Trung Quốc. Tại cảng Gianh (Quảng Bình) đã tiếp nhận 5790 tấn hàng từ tàu Hồng Kỳ (Trung Quốc)<sup>(13)</sup>.

Cũng trong thời kỳ đánh phá miền Bắc ác liệt và phong toả cảng Hải Phòng, chúng ta không thể tiếp tục chuyển vũ khí qua biên giới Việt - Trung xuống Hải Phòng rồi giao nhận tại bến ở Đồ Sơn (gọi là K 15) như giai đoạn trước. Vì vậy, Việt Nam đã thương lượng với Liên Xô và Trung Quốc để chở vũ khí của Liên Xô viện trợ tới Hoa Nam bằng đường sắt rồi từ đó chuyển ra một cảng nhỏ trên đảo Hải Nam gọi là cảng Hậu Thủy được Trung Quốc dành riêng cho Việt Nam, do Việt Nam quản lý. Các tàu của Việt Nam

trực tiếp lấy hàng từ đảo Hải Nam rồi đi thẳng vào Nam, từ đó góp phần phá thế phong toả của Mỹ.

Một điều cũng cần nêu ở đây, trong tất cả các nước viện trợ cho Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, Trung Quốc là nước duy nhất viện trợ cho nước ta trực tiếp bằng ngoại tệ. Đầu thập kỷ 60, để đáp ứng yêu cầu của chiến trường, Trung ương Đảng và Chính phủ có đặt vấn đề với Trung Quốc viện trợ cho miền Nam một số ngoại tệ bằng tiền mặt đôla Mỹ. Theo Báo cáo Quyết toán do ông Mai Hữu Ích, người trực tiếp điều hành “Quỹ ngoại tệ đặc biệt” - B29, lúc đó là Phó Cục trưởng Cục Ngoại hối, đồng thời là Ủy viên Ban Viện trợ miền Nam, viện trợ bằng ngoại tệ tự do của Trung Quốc cho miền Nam từ năm 1964 đến năm 1975 là 626.042.653,52 USD/tổng số 678.701.874,36 USD.

Viện trợ của Trung Quốc về vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng cùng ngoại tệ cũng như giúp đỡ của Trung Quốc trong việc vận chuyển hàng hoá viện trợ quá cảnh đã góp một phần không nhỏ vào chiến thắng chung của quân đội ta.

## **5. Một vài nhận xét**

Trong giai đoạn 1955-1975, quan hệ quốc tế hết sức phức tạp mà nổi bật là sự đối đầu của hai cực Liên Xô và Mỹ, mâu thuẫn Xô - Trung và sau này là tam giác chiến lược Mỹ - Xô - Trung. Bản thân Trung Quốc cũng trải qua những năm tháng hết sức khó khăn với nhiều thử thách khắc nghiệt. Mặc dù vậy, Việt Nam và Trung Quốc vẫn duy trì tình hữu nghị

truyền thống “vừa là đồng chí, vừa là anh em” từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Trong quan hệ hai nước giai đoạn này tuy có bất đồng quan điểm về một số vấn đề như cải cách ruộng đất, biên giới lãnh thổ nhưng có thể nói quan hệ giữa Trung Quốc với Việt Nam là mối quan hệ tốt nhất trong số các nước láng giềng của Trung Quốc ở giai đoạn này.

Sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc cho Việt Nam trong giai đoạn từ 1955-1975 vô cùng to lớn, toàn diện, từ vật chất đến tinh thần, từ chính trị, ngoại giao đến kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, giáo dục; từ nông nghiệp đến công nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thương nghiệp, giao thông vận tải; từ bản thân viện trợ cho đến giúp đỡ vận chuyển quá cảnh hàng hoá viện trợ của các nước khác cho nước ta. Cùng với Liên Xô, Trung Quốc đã trở thành một trong hai nước viện trợ, ủng hộ nước ta tích cực nhất.

Trung Quốc đã dành cho Việt Nam sự ủng hộ, giúp đỡ hết sức quý báu trong lúc bản thân còn hết sức khó khăn. Có thể thấy điều này qua nhận xét của phái đoàn mậu dịch Việt Nam năm 1954: “Nền kinh tế của Trung Quốc mới khôi phục, sản phẩm của Trung Quốc chưa đủ cho nhu cầu của nhân dân, nhưng những đơn hàng của ta xin từ trước tới nay đều được giải quyết, đó là một sự cố gắng vượt bậc của bạn để thoả mãn yêu cầu của ta, bằng cách phải sản xuất đặc biệt hoặc mua ở các nước khác cho ta, có khi phải lấy những thứ đang dùng cho ta”<sup>(14)</sup>. Đây là điều đáng kể, đáng trân trọng.

Tuy nhiên nguyên nhân ủng hộ, viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam trong 20 năm có sự khác biệt. Giai đoạn đầu khi quan hệ Trung - Xô chưa đi đến công khai mâu thuẫn và đối địch, Trung Quốc viện trợ cho Việt Nam do muốn thông qua Việt Nam để khẳng định vị trí và ảnh hưởng của mình ở khu vực Đông Nam Á, có ảnh hưởng đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Sau khi mâu thuẫn Trung - Xô bùng nổ, Trung Quốc tích cực viện trợ cho Việt Nam nhằm đối lập với lập trường của Liên Xô, tạo dựng hình ảnh về một Trung Quốc đứng về phía các nước thuộc thế giới thứ ba, tích cực chống chủ nghĩa đế quốc và cũng muốn đóng vai trò tích cực khi giải quyết vấn đề Việt Nam. Khi bình thường hoá với Mỹ, Trung Quốc muốn thông qua viện trợ để giảm bớt ảnh hưởng xấu của sự kiện này tới quan hệ Trung-Việt, để Trung Quốc vẫn có ảnh hưởng, vị trí nhất định trong vấn đề Việt Nam.

Bên cạnh sự ủng hộ, giúp đỡ, trong thời gian này cũng có lúc Trung Quốc đã gây trở ngại cho cuộc kháng chiến của quân và dân ta như mâu thuẫn Xô - Trung dẫn đến bất đồng giữa hai nước trong vận chuyển quá cảnh hàng viện trợ của các nước anh em trong những năm 1966, 1967. Khi đế quốc Mỹ có ý định mở rộng chiến tranh Việt Nam, tháng 1-1965, qua thông điệp của Mao Trạch Đông với nhà báo E. Snow về việc Trung Quốc không can thiệp trực tiếp vào chiến tranh Việt Nam, Mỹ đã yên tâm mở rộng chiến tranh với hành động táo tợn hơn: Ngày 13-2-



1965 Johnson phê chuẩn thực thi kế hoạch tác chiến tức bước nâng cấp oanh tạc miền Bắc, ngày 26-2-1965 phê chuẩn đưa loạt lính đánh bộ đầu tiên sang miền Nam Việt Nam tiến hành chiến tranh cục bộ. Trung Quốc muốn dùng vấn đề Việt Nam để tăng ảnh hưởng của mình, đối trọng với Liên Xô, giữ thế chủ động trong đàm phán với Mỹ về vấn đề Đài Loan nên có lúc đã không thực sự ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam. Trung Quốc không ủng hộ việc ta đàm phán với Mỹ sau cuộc Tổng tiến công mùa xuân 1968 và khi biết nhân dân ta vẫn kiên định thực hiện đường lối cách mạng của mình, Trung Quốc đã giảm viện trợ quân sự: năm 1969 xuống 40%, năm 1970 xuống hơn 50% so với năm 1968<sup>(15)</sup>, đồng thời đẩy mạnh quan hệ với Mỹ. Việc Trung Quốc từng bước thiết lập quan hệ với Mỹ đã tác động trực tiếp đến cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, ảnh hưởng xấu đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Ngay sau chuyến thăm Trung Quốc và ký Thông cáo chung Thượng Hải, tháng 4-1972, Mỹ quyết định ném bom trở lại và thả thủy lôi phong tỏa các cảng sông, biển của miền Bắc, tăng cường lực lượng và phương tiện chiến tranh, liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân quy mô lớn ở miền Nam, đồng thời tuyên bố huỷ bỏ kế hoạch ký tắt Hiệp định Pari dự định vào tháng 10-1972.

Tuy vậy, sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của Trung Quốc vẫn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với công cuộc xây dựng kinh tế ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ ở

miền Nam. Sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc và các nước XHCN khác cùng tinh thần tự lực cánh sinh, ý chí kiên cường của nhân dân ta khiến chúng ta vừa khôi phục, phát triển kinh tế miền Bắc, vừa chiến thắng trong cuộc chiến mà Mỹ đã “sử dụng mọi loại vũ khí hiện đại nhất (trừ bom nguyên tử), đưa vào cuộc nhiều nhà chiến lược được xếp vào loại tài ba nhất, áp dụng nhiều chiến lược, chiến thuật, thực thi nhiều biện pháp chính trị, quân sự, ngoại giao để đấu sức, đấu trí với ta” qua 6 đời Tổng thống<sup>(16)</sup>. Mỹ đã phải chi phí gần 700 tỷ đôla, hơn 6,5 triệu lượt lính Mỹ tham chiến, 800.000 người trực tiếp tham chiến và hỗ trợ/tổng số 2.130.000 quân Mỹ vào những năm 1965-1970<sup>(17)</sup>.

Nói về sự giúp đỡ của Trung Quốc đối với Việt Nam, ngày 1-2-1973, khi tiếp đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, Cố vấn đặc biệt tại Hội nghị Pa-ri về Việt Nam và đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Việt Nam DCCCH, Chủ tịch Mao Trạch Đông bày tỏ: “Sự giúp đỡ của chúng tôi rất ít ỏi. Chúng tôi phải cảm ơn các đồng chí. Chính các đồng chí đã giúp đỡ chúng tôi. Các đồng chí đã chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ hơn mười năm nay. Chúng ta luôn luôn giúp đỡ lẫn nhau”.

Còn với Việt Nam, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, ngày 22-9-1975, Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương

Đảng làm Trưởng đoàn, đã sang thăm hữu nghị chính thức để cảm ơn Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Đáp từ trong buổi chiêu đãi, đồng chí Lê Duẩn đã khẳng định: “Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng núi liền núi, sông liền sông; nhân dân hai nước chúng ta đã từng hoạn nạn, gian khổ có nhau, thắng lợi và vui sướng có nhau. Chúng tôi vô cùng quý mến nhân dân Trung Quốc vĩ đại, những người bạn chí thiết đã luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân Việt Nam ngay từ khi cách mạng Việt Nam còn trong trứng nước, và trong suốt bao nhiêu năm nay, đã tích cực ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp chiến đấu cứu nước và xây dựng CNXH của chúng tôi, không ngừng cổ vũ chúng tôi tiến lên giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, cho đến thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn ngày nay. Nhân dân Việt Nam mãi mãi ghi nhớ tình nghĩa anh em sâu đậm, sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn mà ĐCS, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc đã dành cho nhân dân Việt Nam trong suốt quá trình chiến đấu lâu dài.” Mặc dù sau năm 1975, quan hệ hai nước đã trải qua những bước thăng trầm nhưng những gì mà nhân dân Trung Quốc dành cho Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vẫn luôn được coi là tài sản quý báu cần phải trân trọng giữ gìn./.

## CHÚ THÍCH

1. Hồ Chí Minh *toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị Quốc gia, 1996, tr 386.
2. Báo Nhân dân ngày 28-9-1959.
3. *Tình hình quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với nước ngoài từ 1955-1974*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III - HS 32.
4. Công trình nhập khẩu thiết bị toàn bộ từ 1955-1975, tr 1-14, Lưu trữ Bộ Thương mại, dẫn theo Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam*, NXB KHXH, 2005, tr 484.
5. Báo cáo tình hình giúp đỡ về kinh tế của các nước XHCN cho Việt Nam DCCH từ ngày hoà bình lập lại đến 1959 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước - Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III - HS 1892).
6. Nhân dân ngày 23-11-1956.
7. Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam*, NXB KHXH, 2005, tr 702.
8. *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975, Thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, tr 601.
9. Những nguồn chi viện lớn cho cách mạng Việt Nam. <http://www.vnn.vn/dulieu/2005/04/409835/>
10. *Tình hình tổng quát các mặt kinh tế - kỹ thuật Việt Nam - Trung Quốc từ 1955 - 1973*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hs 9245.
11. *Tổng kết hậu cần trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, NXB Quân đội Nhân dân, 2001, tr 375.
12. Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1955-1975*, NXB KHXH, 2005, tr 377.
13. Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1955-1975*, NXB KHXH, 2005, tr 341.
14. “Nhận xét của phái đoàn mậu dịch Việt Nam về vấn đề xin viện trợ của Trung Quốc năm 1954” - Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, HS 1744.
15. Nguyễn Huy Toàn, *Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt - Trung*, NXB Đà Nẵng, 1996, tr 74.
- 16, 17. *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975, Thắng lợi và bài học*, tr 111, tr 489.